

Bản án số: **22/2021/DS-PT**

Ngày: 05/11/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tú

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Đức và ông Trần Duy Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2021/TLPT-HNGĐ ngày 21/6/2021 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 16/8/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị T; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện X, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Ông Lưu Kim C; Thôn C, xã P, huyện X, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện X, thành phố Hà Nội. (Ngày 28/10/2021 ông T bà S có văn bản hủy ủy quyền cho ông Vũ Văn H và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:**

Bà và ông Lưu Kim C tự nguyện chung sống từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, thành phố Hà Nội. ngày 19 tháng 01 năm 1993. Hôn nhân không thực sự hạnh phúc nguyên nhân là do ông Lưu Kim

C hay rượu chè và đánh đập vợ, coi thường vợ con và gia đình bên ngoại. Đến tháng 10/2018 thì vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau. Nguyên vọng của bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lưu Kim C

Về con chung: Có 04 con chung gồm:

1. Lưu Thủy D, sinh ngày 28/9/1992
2. Lưu Thủy L, sinh ngày 15/11/1999
3. Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007
4. Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013

Nguyên vọng của bà T xin được nuôi con chung là cháu D, giao cháu T cho ông C nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông C có tạo lập được khối tài sản chung như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 198 (trước đây là thửa 73b), tờ bản đồ số 17 diện tích 2.194m<sup>2</sup>; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 73c, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư và 740m<sup>2</sup> đất nông nghiệp); Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 109 tờ bản đồ số 18 diện tích 13.440m<sup>2</sup>; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 09 diện tích 10.500m<sup>2</sup>. Toàn bộ các thửa đất trên tọa lạc tại xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên vọng của bà T về tài sản chia đôi bằng hiện vật theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **Quá trình giải quyết bị đơn ông Lưu Kim C trình bày:**

Ông xác nhận lời trình bày của bà T về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung là đúng sự thật. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như bà T trình bày là không đúng, nguyên nhân chính là do bà T ngoại tình, ông C có hình ảnh và tin nhắn đã cung cấp cho Tòa án, nay bà T làm đơn xin ly hôn ông C đồng ý ly hôn do vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa.

Về con chung: Nguyên vọng của ông C xin được nuôi con chung là Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007; Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013 vì hai cháu đang còn nhỏ, đối với hai cháu D và L đã thành niên, hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/2cháu/tháng, thanh toán lại chi phí ông C nuôi con trong thời gian từ lúc bà T ra khỏi nhà không đóng góp tiền nuôi con. Chi phí nuôi cháu L học đại học trong hai năm. Tất cả số tiền này được thanh toán một lần và quy ra đất để chia cho ông C.

Đối với tài sản chung nguồn gốc tài sản là của bố mẹ ông C mua cho vợ chồng, đề nghị tòa án giao toàn bộ tài sản cho ông C canh tác, ông đồng ý giao cho bà T số tiền 300.000.000 đồng sau khi đã khấu trừ chi phí đầu tư, chăm sóc và duy trì tài sản, chi phí nuôi con trong thời gian không chung sống với bà T.

Về nợ chung: Đồng ý theo yêu cầu độc lập của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S trả 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng bốn số chín.

**Đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S là ông Vũ Văn H trình bày:**

Trước đây do ông C và bà T khó khăn khi làm ăn kinh tế nên từ năm 1996 đến năm 2013 ông bà có cho vợ chồng ông C và bà T vay làm nhiều lần với tổng cộng 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng. Nay vợ chồng ly hôn ông bà yêu cầu ông C và bà T có trách nhiệm trả cho ông bà số vàng trên.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thùy L và Lưu Thùy D trong quá trình tố tụng trình bày:**

Chị L và chị D là con đẻ của bà T và ông C, việc bà T và ông C ly hôn chia tài sản chung chị L và chị D không có công sức đóng góp gì, đây là tài sản của bà T và ông C nên không có tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và từ chối tham gia tố tụng.

**Người làm chứng ông Lưu Văn K trình bày:**

Ông có chuyển nhượng cho ông T 1,4ha đất cùng với đất ở tại nông trường Đ (xã C), ông T là người giao tiền cho ông K, còn việc ông T cho con như thế nào thì ông không biết. Do điều kiện đi lại khó khăn nên ông K từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

**Tại bản án số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar đã quyết định:**

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm a,b khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vũ Thị T và ông Lưu Kim C thuận tình ly hôn

*Về con chung:* Giao cháu Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007; Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013 cho ông Lưu Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến hai cháu đủ 18 tuổi.

Bà Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007; Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013 một lần 82.500.000 đồng.

*Về tài sản chung:* Giao cho ông Lưu Kim C được quyền quản lý, sử dụng Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 198 tờ bản đồ số 17 diện tích 2.194m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 551487 ngày 05/4/2012 cho ông Lưu Kim C, bà Vũ Thị T và thửa đất số 73c, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư và 740m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C trị giá 476.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản gắn liền trên hai thửa đất 156.247.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 109 tờ bản đồ số 18 diện tích 13.440m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C trị giá 679.250.000 đồng.

Giao cho bà Vũ Thị T Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 09 diện tích 10.500m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 684779 ngày 23/4/2015 cho ông Phạm Xuân B và bà Phạm Thị N. Ngày 13/3/2017 chuyển nhượng lại cho ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T trị giá 472.500.000 đồng.

Ông Lưu Kim C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Vũ Thị T tiền chênh lệch giá trị tài sản sau khi khấu trừ tiền cấp dưỡng nuôi con một lần là 158.598.800 đồng.

Ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp, thay đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Về yêu cầu độc lập:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T trả 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng.

*Về án phí:*

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013904 ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí chia tài sản chung: Bà Vũ Thị T phải chịu 32.543.952 án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 25.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số AA/2017/0013948 ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, bà T còn phải nộp 7.043.952 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lưu Kim C phải chịu 44.111.952 đồng án phí dân sự sơ thẩm

- Về án phí yêu cầu độc lập: Ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về các chi phí tố tụng khác: Ông Lưu Kim C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Vũ Thị T 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/5/2021 bị đơn ông Lưu Kim C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/5/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar ban hành Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/5/2021 đối với phần chia tài sản chung, nợ chung theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 15/5/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về số vàng mà ông C bà T đang nợ của ông bà không được tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét lại mức cấp dưỡng nuôi con mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Về tài sản chung ông Lưu Kim C chỉ đồng ý chia cho bà T 30% giá trị tài sản, không đồng ý chia 40% như cấp sơ thẩm đã chia. Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của ông T bà S.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận để làm rõ nguồn gốc đất. Ngày 11/10/2019 xem xét thẩm định, định giá tài sản nhưng đến ngày 29/4/2021 mới đưa ra xét xử là hơn 02 năm 06 tháng nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét định giá lại tại thời điểm xét xử là ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Bản án tuyên án không rõ ràng không tuyên tứ cận của các thửa đất chia cho các đương sự, không thể hiện tài sản trên đất gây khó khăn cho việc thi hành án. Về yêu cầu của người liên quan có yêu cầu độc lập, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T trả 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng. Quá trình giải quyết, mặc dù bà T không thừa nhận nhưng ông C đã thừa nhận khoản vay trên nhưng Tòa án không xem xét nghĩa vụ trả nợ của ông C mà bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T bà S là không đúng. Quá trình giải quyết bị đơn có cung cấp cho Tòa án biên lai mua phân bón

của Đại lý phân bón Hùng T 04 lần với tổng số tiền là 79.840.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chủ đại lý phân bón Hùng T tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng. Tòa án không buộc bà T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con mà chỉ sau khi có kháng nghị của Viện kiểm sát thì Tòa án mới ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án là vi phạm Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Xét thấy cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy một phần bản án đối với phần chia tài sản chung, nợ chung để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar được nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lưu Kim C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; HĐXX thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông C xác định đồng ý với bản án sơ thẩm, không kháng cáo về quan hệ hôn nhân và con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung.

[2.2] Về cấp dưỡng: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lưu Kim C về mức cấp dưỡng nuôi con đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: *“Trong trường hợp các bên không thoả thuận được với nhau về việc đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con, thì việc quyết định mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con phải tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Tòa án phải xem xét đến khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người phải đóng góp phí tổn cũng như khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, căn cứ vào mức sống của nhân dân ta trong hoàn cảnh của đất nước ta hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao tạm thời hướng dẫn là mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”*.

Mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử là 1.490.000đồng/tháng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Thảo phải cấp dưỡng cho cháu Lưu Thủy T và cháu Lưu Vũ Minh D với mức 500.000đồng/tháng/cháu, mức cấp dưỡng nuôi con như vậy là không đủ các chi phí tối thiểu cho việc sinh hoạt và học tập của các cháu. Do đó, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, cần chấp nhận một phần nội

dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc bà Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007; Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013 số tiền 2.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu hai cháu đến tuổi trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng: 03 tháng/lần.

[2.3] Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 198 (trước đây là thửa 73b), tờ bản đồ số 17 diện tích 2.194m<sup>2</sup>; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 73c, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư và 740m<sup>2</sup> đất nông nghiệp); Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 109 tờ bản đồ số 18 diện tích 13.440m<sup>2</sup>; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 09 diện tích 10.500m<sup>2</sup>. Toàn bộ các thửa đất trên tọa lạc tại xã CưDliêMnông, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk hiện đang đứng tên ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T. Theo kết quả định giá thì tổng giá trị tài sản trên là 1.783.997.000đ.

Quá trình giải quyết bà Vũ Thị T xác định đây là tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên chị T yêu cầu chia đôi giá trị tài sản, HĐXX xét thấy mặc dù đây là tài sản chung nhưng tính đến công lao tạo dựng và duy trì khối tài sản trên thì ông C là có công sức đóng góp lớn hơn chị T (một số tài sản có nguồn được bố mẹ ông Cương tặng cho) nên cần chia cho anh C 60% giá trị tài sản và chị T được chia 40% giá trị tài sản như cấp sơ thẩm đã chia là phù hợp. Xét yêu cầu của anh C chỉ đồng ý chia cho chị T 30% giá trị tài sản là quá thấp so với công sức đóng góp của chị T nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Ông C xác định vợ chồng còn nợ bố mẹ ông là ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng (loại 4 số 9). Lời thừa nhận của ông C là chứng cứ không phải chứng minh. Quá trình giải quyết bà T không thừa nhận khoản vay này, ông T bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà T vay mượn. Cấp sơ thẩm cho rằng bà T không thừa nhận khoản nợ trên nên đã bác yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà. Vì vậy, cần buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho ông T bà S số vàng trên là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S về nợ chung, HĐXX xét thấy: Như đã phân tích ở mục [2.4], ông T bà S yêu cầu vợ chồng phải trả số 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng (loại 4 số 9). Quá trình giải quyết ông C thừa nhận nhưng bà T không thừa nhận khoản vay này, ông T bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà Thảo vay mượn. Cấp sơ thẩm cho rằng bà T không thừa nhận khoản nợ trên nên đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm, buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho ông T bà S số vàng trên là phù hợp.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar về tài sản chung, HĐXX xét thấy:

[4.1] Về xác định nguồn gốc tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Đối với quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 73c, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư và 740m<sup>2</sup> đất nông nghiệp); Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 109 tờ bản đồ số 18 diện tích 13.440m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện Cư Mgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C. Viện kiểm sát cho rằng Tòa án không thu thập những tài liệu chứng cứ liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm rõ nguồn gốc đất. HĐXX xét thấy, tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.*” Quá trình giải quyết các đương sự đã cung cấp đầy đủ bản sao các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các giấy tờ đó đều thể hiện cấp cho hộ ông C bà T nên việc thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận để xác minh nguồn gốc đất là không cần thiết.

[4.2] Về xem xét thẩm định, định giá tài sản: Viện kiểm sát cho rằng ngày 11/10/2019 cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đến ngày 29/4/2021 xét xử sơ thẩm là hơn 2 năm 06 tháng nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định và định giá lại những tài sản này tại thời điểm xét xử là không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. HĐXX xét thấy, mặc dù thời gian từ lúc định giá đến lúc xét xử sơ thẩm là hơn 02 năm. Tuy nhiên, trong thời gian đó các đương sự không có ý kiến gì về giá trị tài sản, không yêu cầu định giá lại. Hơn nữa, Tòa án chia bằng hiện vật, không chia bằng giá trị nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C là người kháng cáo bản án sơ thẩm cũng đồng ý với kết quả định xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và cho rằng việc định giá lại là không cần thiết nên không yêu cầu định giá lại nên cần ghi nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 11/10/2019.

[4.3] Đại diện viện kiểm sát cho rằng án tuyên không rõ ràng, bản án không xác định tư cận cụ thể các thửa đất, gây khó khăn cho việc thi hành án. HĐXX xét thấy đây là vụ án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn chứ không phải là vụ án tranh chấp đất đai, các thửa đất được chia đều ở khu vực khác nhau, không liên thửa nên việc xác định tư cận của các thửa đất là không cần thiết.

[4.4] Về tố tụng: Bị đơn ông Lưu Kim C có cung cấp tài liệu chứng cứ cho rằng vợ chồng ông C, bà T có nợ chung tiền mua phân bón tại đại lý Tùng T



từ năm 2018 đến năm 2020 với tổng số tiền 79.840.000 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa chủ đại lý Tùng T tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng. HĐXX xét thấy, trong đơn khởi kiện ông C chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S không yêu cầu giải quyết khoản nợ của đại lý phân bón Hùng T. Quá trình giải quyết các đương sự này cũng không có đơn yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C cho biết ông đưa các tài liệu trên vào hồ sơ để cho bà T biết chi phí chăm sóc vườn cây, đối với khoản nợ trên thì ông cũng đã thanh toán hết cho đại lý phân bón Hùng T, việc đưa đại lý phân bón Hùng T là không cần thiết.

[4.5] Về yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Nguyễn Thị S và ông Lưu Bút T có yêu cầu độc lập yêu cầu ông C, bà T trả 15 cây 9 chỉ 5 phân vàng 9999. Ông C thừa nhận có vay số vàng này, bà T không thừa nhận. Lời thừa nhận của ông C là chứng cứ không không phải chứng minh. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xem xét nghĩa vụ trả nợ của ông C mà bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông T, bà S là không đúng, gây ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của ông T, bà S. Vấn đề này đã được nhận định tại mục [2.4] và [3]. Việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông T bà S là không đúng, việc kháng nghị của viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Viện kiểm sát cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, Tòa án không lấy lời khai của bà S, không tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự là vi phạm Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết thì ông T bà S đã có ủy quyền cho ông Vũ Văn H tham gia tố tụng, ông T cũng đã có lời khai trong quá trình giải quyết. Vì vậy, việc bà S không có lời khai không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

[6] Về án phí: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Lưu Kim C, ông Lưu Bút T, bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lưu Kim C.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lưu Bút T, Nguyễn Thị S.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar.

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Cư Mgar về cấp dưỡng, chia tài sản chung, nợ chung.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm a,b khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lưu Bút T, Nguyễn Thị S.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Vũ Thị T và ông Lưu Kim C thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007; Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013 cho ông Lưu Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến hai cháu đủ 18 tuổi.

Bà Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Lưu Thủy T, sinh ngày 28/4/2007; Lưu Vũ Minh D sinh ngày 30/01/2013 số tiền 2.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu hai cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: 03 tháng một lần.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung*: Xác định quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 198 tờ bản đồ số 17 diện tích 2.194m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 551487 ngày 05/4/2012 cho ông Lưu Kim C, bà Vũ Thị T; Thửa đất số 73c, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư và 740m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 09 diện tích 10.500m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 684779 ngày 23/4/2015 cho ông Phạm Xuân B và bà Phạm Thị N. Ngày 13/3/2017 chuyển nhượng lại cho ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T; Quyền được quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 109 tờ bản đồ số 18 diện tích 13.440m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C, là tài sản chung của bà Vũ Thị T và ông Lưu Kim C. Tổng giá trị tài sản là 1.783.997.000đ. Ông Lưu Kim C được chia 60% giá trị tài sản, tương đương số tiền 1.070.398.200đ, bà Vũ Thị T được chia 40% giá trị tài sản, tương đương số tiền 713.598.800đ.

[3.1] Giao cho ông Lưu Kim C được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 198 tờ bản đồ số 17 diện tích 2.194m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 551487 ngày 05/4/2012 cho ông Lưu Kim C, bà Vũ Thị T;

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 73c, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư và 740m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C

Tài sản trên đất của thửa 198 và 73c, tờ bản đồ số 17 gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2000, móng đá hộc, tường xây gạch, sơn nước, trần đóng tôn lạnh, gạch lát nền (50x50)cm, cửa đi ra và cửa sổ bằng gỗ, mái lợp tôn; Tường rào trước xây gạch có tô trát, móng đá hộc, cao 1,6m, dài 24,7m; 01 cổng bằng sắt, 02 trụ cổng (40x40)cm, xây gạch 04 lỗ, có tô trát; Nhà kho diện tích 23,85m<sup>2</sup>, tường xây gạch, mái tôn, nền láng xi măng, cửa sắt; Sân xi măng diện tích 217,76m<sup>2</sup>; Mái che khung sắt, mái lợp tôn diện tích 151,43m<sup>2</sup>; Tường ngang cao 1,4m, dài 19,6m; Một số cây trồng gồm: Bơ, sầu riêng, hồng xiêm, đinh lăng, mít ghép.

- Quyền được quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 109 tờ bản đồ số 18 diện tích 13.440m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 01528 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Lưu Kim C. Thửa đất trên tọa lạc tại xã CưDiêMnông, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Trên đất có 1300 cây cà phê, cây gòn làm trụ tiêu, cây muồng, cây núc nác làm trụ tiêu, cây mít thường, cây măng cầu.

[3.2] Giao cho bà Vũ Thị T được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 09 diện tích 10.500m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện CưMgar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 684779 ngày 23/4/2015 cho ông Phạm Xuân B và bà Phạm Thị N. Ngày 13/3/2017 chuyển nhượng lại cho ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T. Toàn bộ các tài sản trên tọa lạc tại xã CưDiêMnông, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất gồm: 960 cây cà phê, trụ bê tông, cây muồng, cây mắc ca, bơ ghép, sầu riêng, măng cầu, cây núc nác trồng tiêu, giếng khoan.

[3.3] Ông Lưu Kim C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Vũ Thị T tiền chênh lệch giá trị tài sản là 241.098.800 đồng.

Ông Lưu Kim C và bà Vũ Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp, thay đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4] *Về yêu cầu độc lập*: Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Lưu Kim C phải trả ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S 15 cây 09 chỉ 05 phân vàng 9999.

[5] *Về án phí*:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013904 ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

- Về án phí cấp dưỡng: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí chia tài sản chung: Bà Vũ Thị T phải chịu 32.543.952 án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 25.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013948 ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, bà T còn phải nộp 7.043.952 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lưu Kim C phải chịu 44.111.952 đồng án phí chia tài sản.

- Về án phí yêu cầu độc lập: Ông Lưu Kim C phải chịu 39.446.760 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Lưu Kim C không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo AA/2021/0001137 ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar. Ông Lưu Bút T và bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí (người cao tuổi).

- Về các chi phí tố tụng khác: Ông Lưu Kim C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Vũ Thị T 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưMgar;
- Chi cục THADS huyện CưMgar ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Văn Tú**